

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

TẠP CHÍ LÝ LUẬN - KHOA HỌC GIÁO DỤC * BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Tập 24 (Số đặc biệt 5)

Tháng 6/2024



ISSN 2354-0753



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TẠP CHÍ GIÁO DỤC

Mục lục

Tập 24 (số đặc biệt 5) - 6/2024

Thái Thị Đào: Thực trạng năng lực giải quyết vấn đề của học sinh tiểu học trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội: Nghiên cứu tại tỉnh Nghệ An 190

Mạch Văn Sang - Đỗ Đình Thái - Trần Văn Trung: Thực trạng giáo dục STEM cho học sinh trung học phổ thông tại Hệ thống Giáo dục IVS, Thành phố Hồ Chí Minh 195

Trương Văn Thắng - Phan Ngọc Thạch: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng 202

Lữ Quốc Vinh - Cù Dạ Lý - Nguyễn Ngọc Chi Lan: Thực trạng phát triển đội ngũ giáo viên các trường tiểu học huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang 207

Trần Đăng Khoa - Phan Ngọc Thạch: Thực trạng phát triển đội ngũ cán bộ quản lý các trường trung học cơ sở tại huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng 213

Lê Chi Lan - Ngô Thành Nghĩa: Thực trạng quản lý hoạt động dạy học nội dung giáo dục địa phương ở các trường trung học phổ thông huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh 219

Trần Văn Hưng - Nguyễn Đình Toàn - Lê Đăng Anh Tú - Hồ Quốc Vương: Các yếu tố tác động đến tự học lập trình Python của học sinh lớp 10 ở thành phố Đà Nẵng 225

Phan Thị Thanh Thảo: Thực trạng sử dụng khối ngữ liệu song ngữ Anh-Việt của sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế trong việc học tiếng Anh chuyên ngành Du lịch 231

Đỗ Cao Minh - Nguyễn Ngọc Khải: Xây dựng hệ thống đào tạo trực tuyến dựa trên nền tảng mã nguồn mở Moodle tại Trường Đại học Công nghiệp Việt Trì 238

Nguyễn Khắc Toàn - Dương Đình Phú - Hà Văn Hùng: Thực trạng và một số giải pháp nhằm thực hiện cơ chế quả chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An giai đoạn 2024-2030 244

Vũ Hữu Ý: Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên nghề Công nghệ ô tô ở các trường cao đẳng nghề theo hướng chuẩn hoá 249

Vũ Thị Lan - Trương Việt Phúc - Nguyễn Minh Giám: Đánh giá hiệu quả tác động của dạy học môn Công nghệ thông tin trên website với sự hỗ trợ của AI Chatbot theo tiếp cận năng lực cho sinh viên Đại học Công an nhân dân 256

Châu Thị Hồng Nhựt: Một số biện pháp phát triển năng lực số trong dạy học cho sinh viên sư phạm ở trường đại học 263

Nguyễn Văn Minh: Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy tiếng Anh: Xu hướng và khó khăn khi triển khai 269

Hoàng Thị Thủy - Nguyễn Thị Kim Oanh - Lê Thị Thu Hồng: Mức độ hài lòng của người học về chất lượng dịch vụ đào tạo: Nghiên cứu tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất 274

Nguyễn Hữu Gọn: Một số vấn đề lý luận về quản lý bảo đảm chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học ở trường đại học 280

Phạm Chiến Thắng - Bùi Trọng Tài: Tổng quan nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới sự tham gia ý kiến của sinh viên trong trường đại học 286

Phương Thị Duyên - Trần Thị Kim Hiếu - Hoàng Thị Quỳnh Ngân: Nhận thức của sinh viên về đánh giá đồng đẳng trong thuyết trình tiếng Anh: Nghiên cứu tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội 292

Nguyễn Thị Lan Hương: Tổng quan một số nghiên cứu về phát triển đội ngũ giảng viên ở trường đại học 298

Đào Văn Mẫn: Thực trạng năng lực nghiên cứu khoa học của giảng viên ở trường sĩ quan quân đội 304

Phạm Văn Thuần - Nguyễn Đăng An Long: Đào tạo kép trong giáo dục nghề nghiệp giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp: Nghiên cứu tại Thành phố Hồ Chí Minh 310

Đặng Thị Thanh Trâm: Đề xuất một số giải pháp xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam 317

Trần Thị Hồng: Thực trạng quản lý hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn tại Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn 323

Nguyễn Hữu Toàn: Một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh 330

Lê Thị Tâm Hiếu: Một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức cho đội ngũ bác sĩ quân y theo tư tưởng Hồ Chí Minh 336

Đinh Thị Nga: Vai trò của quy luật logic hình thức trong ban hành văn bản quy phạm pháp luật 341

Trần Huyền Trang: Vai trò và đặc điểm của quản trị hoạt động truyền thông tuyển sinh trong giáo dục 346

Đặng Thị Huyền: Bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng tiếp cận quản lý rủi ro: Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới 351

TÊN SẢN PHẨM	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC (từ năm 2021)		
	Ngành Giáo dục học	Ngành Tâm lý học	Liên ngành Triết học - Xã hội học - Chính trị học
Tạp chí Giáo dục (ISSN: 2354-0753) Xuất bản 2 số/tháng vào các ngày 5 và 20	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm
Vietnam Journal of Education (ISSN: 2588-1477) Xuất bản bằng tiếng Anh, 3 số thường niên (tháng 3, tháng 6, tháng 12) và các số đặc biệt (nếu có)	0-1,0 điểm	0-1,0 điểm	0-0,5 điểm

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG VIỆT - ĐỨC NGHỆ AN GIAI ĐOẠN 2024-2030

Nguyễn Khắc Toàn*,
Dương Đình Phú,
Hà Văn Hùng

Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An
Tác giả liên hệ • Email: nktsu3004@gmail.com

Article history

Received: 05/5/2024

Accepted: 24/5/2024

Published: 20/6/2024

Keywords

Vocational training,
vocational colleges,
vocational training solutions,
digital transformation

ABSTRACT

In the continuous development of scientific and technical technology, all human activities have the appearance of technological elements with the aim of improving output quality and optimizing input resources. The process of vocational training activities is no exception to that movement and change. Nghe An Vietnamese-German College has built a roadmap to digitalize vocational training activities for the coming time, initially converting activities from management to training, thereby implementing the digital transformation process to bring many benefits to training organizations as well as learners. Through experience drawn from the current situation and solutions implemented at Nghe An Vietnamese-German College, the authors have synthesized and proposed so that schools in the vocational education sector have similarities in terms of the management and training process can refer and apply to their school.

1. Mở đầu

Hiện nay, trên toàn quốc có 1.904 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN) với 407 trường cao đẳng, 439 trường trung cấp và 1.058 trung tâm GDNN. Số cơ sở GDNN tư thục và có vốn đầu tư nước ngoài là 688 đơn vị, chiếm 36%. Hằng năm, số lượng tuyển sinh GDNN đạt khoảng 2,2 triệu người (Tổng cục Dạy nghề, 2022). Từ đó cho thấy, các báo cáo hoạt động của lĩnh vực GDNN thường rất khả quan. Tuy nhiên, không ít lãnh đạo của các cơ sở GDNN đã nhìn nhận ra độ bao phủ của các ngành nghề được đào tạo trên từng địa phương còn nhiều hạn chế. Bên cạnh đó, chính sách tinh giản biên chế đang tác động rất nhiều tới nhân sự của các đơn vị tổ chức đào tạo, khiến các đơn vị này sẽ phải đối diện với những thách thức mới - đó là thách thức “chuyển đổi số”.

Chuyển đổi số trong GDNN là quá trình tích hợp và áp dụng các công nghệ kỹ thuật số vào các cơ quan quản lý nhà nước về GDNN và từng cơ sở GDNN; đồng thời, tận dụng các công nghệ số để thay đổi cách thức quản lý, giảng dạy, cung cấp kiến thức, trang bị kỹ năng cho nguồn nhân lực trên nền tảng số. Vì vậy, để thực hiện hiệu quả hoạt động chuyển đổi số cần song hành nhiều giải pháp.

Giữa những chuyển đổi nhanh chóng và mạnh mẽ do cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại, chuyển đổi kỹ thuật số nổi bật là nỗ lực then chốt nhất, thu hút sự chú ý đặc biệt. Chuyển đổi kỹ thuật số trong giáo dục tích hợp những thành tựu của FIR để cách mạng hóa toàn bộ hệ thống giáo dục và các thành phần của nó. Sự chuyển dịch số này giúp nâng cao hiệu quả của giáo dục, đáp ứng kịp thời nhu cầu về nguồn nhân lực trong bối cảnh mới. Chuyển đổi kỹ thuật số trong lĩnh vực giáo dục mang lại những thay đổi đáng kể trên toàn diện, từ cơ sở hạ tầng nền tảng đến các bên liên quan ở cấp vĩ mô như nhà quản lý giáo dục và nhà hoạch định chính sách, cho đến những người tham gia ở cấp vi mô như GV và HS (Đào Thái Lai và cộng sự, 2023).

Việc áp dụng công nghệ số hóa trong đào tạo nghề nghiệp có thể mang lại nhiều lợi ích quan trọng như: Tăng tính linh hoạt và tiện ích bởi công nghệ số hóa cho phép học viên tiếp cận nội dung học và tài liệu từ bất kỳ đâu và vào bất kỳ lúc nào thông qua các thiết bị di động hoặc máy tính, tạo ra tính linh hoạt cao cho quá trình học tập và giúp học viên tự điều chỉnh thời gian và nơi học tập phù hợp với lịch trình cá nhân; công nghệ số hóa cũng cho phép cá nhân hóa trải nghiệm học tập cho từng học viên dựa trên nhu cầu, mức độ hiểu biết và tốc độ học tập của họ, giúp tăng cường sự hiệu quả của quá trình học và giảm thiểu thời gian cần thiết cho việc học tập. Bên cạnh đó, số hóa giúp tạo ra môi trường học tập tương tác và thú vị hơn như sử dụng các công nghệ như trò chơi mô phỏng, video, và học máy để tạo ra một môi trường học tập thú vị và tương tác, giúp học viên hứng thú hơn và tăng cường việc hấp thụ kiến thức. Về vấn đề kinh tế, công nghệ số hóa giảm thiểu chi phí và thời gian cần thiết cho việc di chuyển và tổ chức

lớp học truyền thống, học viên không cần phải bỏ thời gian và chi phí cho việc đi lại, và do đó có thể tập trung hơn vào việc học tập. Cuối cùng, công nghệ số hóa cho phép tự động hóa quá trình đánh giá và phản hồi, giúp giảm bớt công sức và thời gian cần thiết từ phía GV và nhà quản lý, học viên cũng có thể nhận phản hồi tức thì và phát triển kỹ năng nhanh chóng hơn...

Về tổng thể, việc áp dụng công nghệ số hóa trong đào tạo nghề nghiệp mang lại nhiều lợi ích cho cả người học lẫn các tổ chức đào tạo, từ tính linh hoạt và tiện ích cao đến tính cá nhân hóa cao hơn nhưng chi phí cho toàn bộ quá trình đào tạo lại được giảm thiểu.

Sau một thời gian thực hiện tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An, qua thống kê, ghi nhận những thay đổi, những tồn tại và bất cập, nhóm tác giả đề xuất những giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số tại đơn vị của mình, và từ đó cũng chia sẻ kinh nghiệm tới các trường Cao đẳng khối kỹ thuật có đặc điểm tương đồng với Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An về vấn đề cấp thiết này.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Vấn đề chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp hiện nay

Trong hệ thống giáo dục quốc gia, GDNN có vai trò đào tạo, bồi dưỡng, cung cấp nhân lực có kỹ năng, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Vì thế, nâng cao hiệu quả đào tạo GDNN gắn với chuyển đổi số là hoạt động cần thiết, nhằm thực hiện 2 mục tiêu cung cấp lực lượng lao động với giá cả phù hợp mà vẫn đáp ứng yêu cầu thực tiễn sản xuất và giảm thiểu lao động trực tiếp trong khâu đào tạo.

Chuyển đổi kỹ thuật số trong lĩnh vực giáo dục mang lại những thay đổi đáng kể toàn diện, từ cơ sở hạ tầng nền tảng đến các bên liên quan ở cấp vĩ mô như nhà quản lý giáo dục và nhà hoạch định chính sách, cho đến những người tham gia ở cấp vi mô như GV và HS.

Ngày nay, việc “số hóa” giúp thay đổi mọi thứ. Những cuộc cách mạng lớn trong giáo dục đang phá vỡ sự tương tác giữa các nhân tố khác nhau trong giáo dục. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay dựa trên sự tích hợp của công nghệ tạo ra các công cụ học tập suốt đời giúp thúc đẩy sự phát triển các phương pháp học tập sáng tạo và môi trường học tập thông minh (Nguyễn Thị Mỹ Lộc và Hoàng Sỹ Tương, 2021).

Việc nghiên cứu sự thay đổi của tổ chức cho sự chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực là điều hết sức cần thiết để giúp cho các tổ chức có thể thay đổi liên tục và hiệu quả trong thời đại số. Như vậy, các nghiên cứu về các vấn đề tổ chức do tác động của chuyển đổi số đều thống nhất đó là một quá trình tất yếu nằm trong chu trình phát triển của các tổ chức. Sự thay đổi và cải tiến của tổ chức do chuyển đổi số được nghiên cứu ở nhiều khía cạnh của tổ chức để có thể đưa ra luận giải các vấn đề của tổ chức trong việc thực hiện quá trình này và các giải pháp đề hướng đến chuyển đổi số thành công (Chế Dạ Thảo và cộng sự, 2022).

Chuyển đổi số là công việc khó khăn và phức tạp, có nhiều yếu tố tác động đến quá trình này. Tuy nhiên, để chuyển đổi số thành công, các tổ chức cần chú ý đến 05 vấn đề cốt lõi là: yếu tố con người; yếu tố thể chế; yếu tố công nghệ; lộ trình chuyển đổi số và quản trị thực thi (Đỗ Thị Thu Hằng, 2022).

Để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học trong đào tạo nghề, Tổng cục Dạy nghề (2022) xác định chuyển đổi số là một trong những giải pháp rất quan trọng. Chuyển đổi số trong GDNN nhằm triển khai các hoạt động GDNN trên môi trường số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá giúp tăng cường hiệu quả công tác quản lý và mở rộng phương thức cũng như cơ hội tiếp cận GDNN; tạo đột phá về chất lượng, tăng nhanh số lượng đào tạo góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực có kỹ năng nghề, tăng năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế (Vũ Thế Việt và Nguyễn Quốc Tuấn, 2023).

Mặc dù những lợi ích là tất yếu; tuy nhiên, việc chuyển đổi số tại các cơ sở GDNN còn gặp nhiều khó khăn, chủ yếu bởi các nguyên nhân sau:

- Thay đổi văn hóa và thái độ: Việc thúc đẩy sự chuyển đổi số đôi khi đòi hỏi sự thay đổi về văn hóa và thái độ trong tổ chức. Một số người có thể không muốn chấp nhận hoặc không sẵn lòng thích nghi với việc sử dụng công nghệ mới bao gồm cả những người vị trí lãnh đạo, cán bộ bởi họ đã quá quen thuộc với hình ảnh “cầm tay chỉ việc” vốn là tôn chỉ tạo nên chất lượng một thời.

- Sự khác biệt về kiến thức công nghệ: Một số HS, sinh viên và cả GV có thể không thoải mái hoặc không quen với việc sử dụng công nghệ số. Điều này có thể tạo ra một rào cản trong quá trình chuyển đổi và sử dụng các công nghệ mới.

- Các yêu cầu đào tạo và hỗ trợ: Để thực hiện chuyển đổi số một cách hiệu quả, cần có sự đầu tư vào đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật cho GV và nhân viên quản lý. Nếu thiếu sự hỗ trợ cần thiết, việc chuyển đổi có thể gặp nhiều khó khăn.

- Chi phí đầu tư ban đầu: Mặc dù việc chuyển đổi số sẽ tiết kiệm chi phí lâu dài, nhưng chi phí đầu tư ban đầu để phát triển và triển khai các giải pháp công nghệ số có thể là một rào cản đối với một số tổ chức đào tạo, đặc biệt là trong bối cảnh nguồn lực hạn chế. Đầu tư ban đầu ở đây bao gồm hạ tầng, kỹ thuật viên có đủ chuyên môn từ vận hành đến bảo mật hệ thống...

- Công tác chuyển đổi số trong đời sống trên tất cả các lĩnh vực: Hiện nay, trong đời sống hằng ngày, khái niệm “chuyển đổi số” tuy không còn xa lạ, đặc biệt là trong các thủ tục hành chính, tuy nhiên việc thực hiện vẫn cần rất nhiều thời gian. Đây vô tình trở thành tham chiếu về tiến độ để so sánh việc chuyển đổi số trong GDNN với các công cuộc chuyển đổi số ở các lĩnh vực khác. Công nghệ số trong giáo dục trong những năm gần đây phát triển một cách vượt bậc, đa dạng về mặt chất lượng và số lượng. Để ứng dụng một cách hiệu quả trong môi trường giáo dục cần phải sử dụng góc nhìn của quản lý giáo dục và kỹ năng sư phạm số. Theo đó, tùy thuộc vào chiến lược của cơ sở giáo dục; mục tiêu, chuẩn đầu ra và kế hoạch giảng dạy mà người dạy lựa chọn cho phù hợp (Lê Phương Trường và cộng sự, 2021).

Tất cả các nguyên nhân trên đã làm cho việc chuyển đổi số tại các cơ sở GDNN còn trì trệ, chưa thực sự nổi bật. Trong những năm qua, nhiều dự án, nội dung đầu tư của các cơ sở GDNN đã có nội dung chuyển đổi số. Tuy nhiên, việc thực hiện vẫn “mạnh ai, nấy làm”, chưa có định hướng hoạt động cụ thể. Để thực hiện bài bản, Tổng cục Dạy nghề đã định hướng các nhóm giải pháp để triển khai Chương trình Chuyển đổi số trong GDNN giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Theo đó, Tổng cục GDNN sẽ xây dựng thể chế, cơ chế, chính sách gồm: hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; ban hành các tiêu chuẩn về trường học số, hạ tầng số, phòng học thực hành số, chương trình, giáo trình số, ứng dụng thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường, thực tế ảo hỗn hợp (Thủ tướng Chính phủ, 2020).

2.2. Thực trạng chuyển đổi số tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An

2.2.1. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

Nhằm đảm bảo hệ thống thông tin được thông suốt, từ năm 2010, nhà trường đã sở hữu 2 đường truyền Internet riêng biệt hoạt động song song có băng thông lớn, chuyên biệt phục vụ cho các trường học được cung cấp bởi 2 nhà mạng VinaPhone và Viettel. Ngoài ra các hệ thống cáp hay modem truyền thông tin luôn được đảm bảo hoạt động thông suốt và ổn định. Quy trình bảo trì hệ thống mạng hay các thiết bị thu phát tín hiệu luôn có bộ phận chuyên trách thực hiện định kì. Tuy nhiên, vì Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An đã có một ngôi trường đã hơn 50 năm tuổi nên một số hạng mục công trình đã cũ, hệ thống điện lưới và dây truyền thông tin đã nhiều lần sửa chữa khắc phục chưa triệt để nên vẫn còn hiện tượng các đường dây cáp điện cũng như truyền tín hiệu cũ vẫn xen lẫn với các đường dây mới chưa thực sự phù hợp, dẫn tới mất mỹ quan trường học và quá trình hoạt động vẫn còn tình trạng nghẽn mạng, gây khó khăn trong công tác tìm kiếm và khắc phục.

Ngoài ra, sự tắc nghẽn còn phát sinh bởi nguyên nhân là việc bố trí đồng bộ hạ tầng Internet trên một diện tích 2 hecta và duy trì sự ổn định của hệ thống rõ ràng cũng cần thêm những giải pháp về nhân sự thích hợp.

Một thực trạng về hạ tầng thông tin không hiếm gặp đối với các cơ quan sự nghiệp hành chính đó là ý thức sử dụng thiết bị công nghệ thông tin còn chưa cao như việc bảo quản và bảo vệ máy chủ dữ liệu chưa được quan tâm đúng mức, quá trình sử dụng mạng Internet của cơ quan còn phát sinh các sự cố do cá nhân tự ý cắm các thiết bị đầu cuối xung khắc kết nối vào hệ thống gây gián đoạn đường truyền.

Ngoài ra có thể kể đến việc khai thác các ứng dụng hỗ trợ dạy học, nguồn học liệu mở, hệ thống phần mềm hỗ trợ kiểm tra, đánh giá. Trong điều kiện đầu tư thiếu tính đồng bộ như hiện nay tại các cơ sở GDNN, thì việc có được một hạ tầng số đảm bảo cho việc chuyển đổi cũng sẽ là một thách thức không nhỏ.

2.2.2. Cách thức quản lý, chỉ đạo điều hành Nhà trường, hướng đến cách thức quản lý và ra quyết định trên nền tảng công nghệ số

Hiện nay, tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An, việc thông báo tin tức, ra quyết định và chuyển các văn bản thủ tục hành chính đều được thực hiện trên website và hệ thống ioffice riêng của nhà trường. Thông qua các thiết bị như smart phone, tablet, smart watch,..., mọi cán bộ, GV nhà trường đều nhanh chóng nhận được thông tin hành chính, lịch làm việc của cá nhân mình một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, với lí do năng lực sử dụng công nghệ của một số bộ phận cán bộ, GV còn hạn chế nên việc chuyển đổi số các vấn đề hành chính còn nhiều bất cập, chưa tận dụng tối đa lợi ích mang lại và tạo ra những dư luận không đáng có khi so sánh giữa văn bản số và văn bản truyền thống.

Đối với hệ thống quản lý đào tạo, năm 2021, nhà trường đã mua và đưa vào sử dụng hệ thống quản lý đào tạo mới (Unisoft) thay cho hệ thống phần mềm quản lý đào tạo cũ, nhằm xây dựng lộ trình số hóa hoàn toàn quá trình quản lý

và đào tạo một cách chuyên nghiệp hơn. Qua thời gian đã ghi nhận được nhiều tín hiệu tích cực, song do thiếu nhân sự có chuyên môn sâu về vận hành, bảo trì và nâng cấp hệ thống nên quá trình sử dụng vẫn còn xảy ra những lỗi tuy không nghiêm trọng nhưng gây gián đoạn quá trình hoạt động hệ thống.

2.2.3. Trình độ, năng lực sử dụng khai thác tiện ích công nghệ số của đội ngũ giảng viên nhà trường áp dụng vào công tác đào tạo

Vào năm 2020, nhà trường đã thông qua việc thuê chuyên gia, tổ chức giảng dạy kiến thức sử dụng tài nguyên số và xây dựng bài giảng số cho toàn bộ cán bộ giảng viên toàn trường. Tuy nhiên, qua thời gian thực hiện, vì thiếu các quy định, quy chế và các văn bản hướng dẫn về việc giảng dạy sử dụng công nghệ số nên việc giảng dạy có dấu hiệu quay về các phương pháp dạy truyền thống. Một phần nguyên nhân của tình trạng này cũng không nằm ngoài yếu tố năng lực cá nhân của từng cán bộ, GV. Một số giảng viên khác tuy đã có kinh nghiệm triển khai về giảng dạy trực tuyến và cung cấp đầy đủ nội dung học tập, quản lý được việc học và có phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập thông qua công nghệ số có thể kể tới như, sử dụng phần mềm hỗ trợ dạy, học trực tuyến thông qua các ứng dụng như Zoom, Google Hangouts, Google Meet, Webex, Microsoft Teams... cho một số môn học lý thuyết. Số khác mới chỉ dừng lại ở việc cung cấp tài liệu cho sinh viên tự học.

2.3. Một số giải pháp nhằm thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số đã và đang triển khai tại Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An

Từ việc phân tích các yếu tố tác động, các khó khăn hạn chế ở trên. Và một lần nữa khẳng định rằng, GDNN nếu không muốn bị bỏ lại phía sau, thì chỉ có một hướng đi duy nhất, đó là chuyển đổi số nhằm thay đổi, thích nghi và hòa nhập nhanh. Để thúc đẩy chuyển đổi số, trong thời gian tới, Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An tiếp tục tập trung triển khai một số nội dung cụ thể sau.

2.3.1. Giải quyết các vấn đề cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Nhà trường lên kế hoạch tiến hành quy hoạch, phân chia lại hệ thống mạng tổng thể của nhà trường, thay thế các đường dây - thiết bị đã cũ, nâng cấp Hệ thống hạ tầng, hệ thống mạng, hệ thống an toàn thông tin và thiết bị ngoại vi phục vụ quản lý, điều hành. Tập trung tối đa các cơ chế, chính sách hỗ trợ hạ tầng từ các nguồn tự chủ và không tự chủ, nguồn được cấp trên phân bổ để đầu tư thiết bị số và chi phí vận hành cho HS, sinh viên một cách hợp lý, minh bạch và tránh lãng phí. Tìm hiểu và đầu tư mua sắm các trang thiết bị; Xây dựng phần mềm Mô phỏng và thực hành ảo (Virtual Reality - VR và Augmented Reality - AR) để tạo ra các môi trường mô phỏng và thực hành ảo, giúp học viên trải nghiệm thực tế nhưng trong một môi trường an toàn và được kiểm soát.

2.3.2. Đổi mới cách thức quản lý điều hành thông qua nền tảng công nghệ số

Mặc dù nhà trường đã thực hiện một số hoạt động quản lý điều hành thông qua nền tảng công nghệ số nên có thể giúp tổ chức và tối ưu hóa các hoạt động hằng ngày. Thế nhưng, để đạt hiệu quả cao hơn thì cần phải triển khai một số biện pháp cụ thể:

- Sử dụng tốt hệ thống quản lý học tập đang sở hữu (Unisoft), trong đó chú trọng khai thác các tính năng như: sử dụng các hệ thống quản lý học tập để tổ chức và quản lý các khóa học, tài liệu, bài kiểm tra và kết quả học tập số hóa của học viên. Điều này sẽ giúp quản lý hiệu quả quá trình học và đưa ra phản hồi tích cực cho HS, sinh viên.

- Sử dụng hệ thống quản lý thông tin sinh viên: là một phần mềm quản lý dữ liệu sinh viên, bao gồm thông tin về học viên, lịch trình học, kết quả học tập, và thông tin liên lạc. Phần mềm giúp quản lý thông tin sinh viên một cách hiệu quả, đồng thời cung cấp thông tin chính xác và dễ dàng truy cập cho các bộ phận quản lý của nhà trường.

- Sử dụng phần mềm quản lý tài chính và tài nguyên nhà trường giúp quản lý ngân sách, thanh toán, và các nguồn lực khác của nhà trường một cách hiệu quả. Điều này bao gồm quản lý hóa đơn, báo cáo tài chính, và theo dõi các khoản chi tiêu và xây dựng kế hoạch phân bổ ngân sách, chi tiêu hợp lý.

- Sử dụng các phần mềm quản lý nhân sự bao gồm thông tin về nhân viên, lịch trình làm việc, các chính sách và quy định của nhà trường, qua đó giúp quản lý nhân sự một cách hiệu quả và đảm bảo tuân thủ các quy định lao động và chính sách của nhà trường.

2.3.3. Nâng cao trình độ, năng lực sử dụng, khai thác tiện ích công nghệ số cho đội ngũ giảng viên và học sinh, sinh viên

Với trọng tâm là chú trọng đào tạo, bồi dưỡng các phương pháp dạy và học mới cho đội ngũ GV, người dạy trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh dịch vụ. Áp dụng hình thức học tập thích nghi, phối kết hợp hài hòa việc dạy và học trực tiếp tại trường với việc dùng các công nghệ, học liệu số, thiết bị thật, thiết bị ảo, phòng học ảo. Phát triển đội ngũ cán bộ chuyên về phát triển các ứng dụng số, học liệu số. Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số, phương pháp đào tạo số cho đội ngũ CBQL, giảng viên của nhà trường; phát triển đội ngũ nhà

giáo chuyên về công nghệ thông tin, an ninh mạng và phát triển các ứng dụng số; xây dựng các văn bản, quy chế, xây dựng các hành lang pháp lý phù hợp, khuyến khích giảng viên thực hiện bài giảng thực hành, tích hợp và đánh giá chất lượng kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ của HS, sinh viên bằng phương pháp có sử dụng công nghệ số hóa.

Đối với các HS, sinh viên, chuyển đổi số đã bắt đầu khi các em đã sử dụng các mô hình trí tuệ nhân tạo như ChatGPT, Gauth,... để tham khảo nội dung học tập. Tuy nhiên, với đặc thù của GDNN, các em sẽ dần dần tiếp xúc với các công nghệ thực tế ảo để rèn luyện kỹ năng nghề, đòi hỏi các em không những phải có những kiến thức công nghệ nhất định mà còn phải có ý thức cao khi sử dụng các công nghệ này.

3. Kết luận

Chuyển đổi số là một vấn đề hết sức mới mẻ và chưa có tiền lệ. Đây là một quá trình “dài hơi” với nhiều thách thức đặt ra cho các cơ sở GDNN nói chung và Trường Cao đẳng Việt - Đức Nghệ An nói riêng. Tuy nhiên, chuyển đổi số sẽ giúp các cơ sở GDNN ngày càng cải thiện chất lượng công việc của cán bộ, viên chức, nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo, hướng đến mục tiêu đào tạo mở, linh hoạt cho người học. Việc chuyển đổi số trong GDNN là tất yếu song đòi hỏi sự quyết tâm, nỗ lực từ các cấp và đặc biệt là chính từ các đơn vị cơ sở đào tạo.

Tài liệu tham khảo

- Chế Dạ Thảo, Nguyễn Xuân An, Vũ Thị Phương Thảo (2022). Nghiên cứu về sự sẵn sàng thay đổi của các tổ chức và tổ chức giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số. *Tạp chí Giáo dục*, 22(9), 52-58.
- Đào Thái Lai, Nguyễn Ngọc Giang, Nguyễn Thị Quốc Hòa (2023). Giáo dục 4.0 và những hoạt động chuyển đổi số trong giáo dục. *Tạp chí Giáo dục*, 23(số đặc biệt 9), 83-88.
- Đỗ Thị Thu Hằng (2022). Xây dựng văn hóa nhà trường trong bối cảnh chuyển đổi số - vấn đề đặt ra cho cán bộ quản lý trường học. *Tạp chí Giáo dục*, 22(3), 13-18.
- Lê Phương Trường, Lâm Thành Hiền, Lê Đức Thịnh (2021). Chuyển đổi số trong giáo dục đại học: một phân tích tại Trường Đại học Lạc Hồng. *Tạp chí Giáo dục*, 514, 40-46.
- Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Hoàng Sỹ Tương (2021). Đề xuất mô hình đại học 4.0 đáp ứng xu thế phát triển của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. *Tạp chí Giáo dục*, 494, 1-5.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia*.
- Tổng cục Dạy nghề (2022). *Báo cáo tình hình hoạt động năm 2022 và kế hoạch năm 2023*.
- Vũ Thế Việt, Nguyễn Quốc Tuấn (2023). Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 17, 64-67.